

QUAN ĐIỂM CỦA CÔNG ĐỒNG TRENT VỀ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích những thách thức về mặt kinh tế - xã hội, văn hóa và đời sống tôn giáo đặt ra đối với Giáo hội Công giáo ở Châu Âu thế kỷ XVI, bài viết đi sâu phân tích nội dung và lý giải quan điểm của Công đồng Trent về vấn đề tổ chức giáo hội. Công đồng Trent tiếp tục tái khẳng định mô hình giáo hội như một thiết chế, duy trì hệ thống tôn ti trật tự và quyền lực của giáo hoàng. Dưới góc độ lý thuyết Cấu trúc chức năng, đây chính là một trong những cách thức để Công đồng Trent bảo vệ cấu trúc của Giáo hội Công giáo trước những luận thuyết thần học của phong trào Tin Lành lúc bấy giờ.

Từ khóa: Công đồng, Công giáo, Trent, giáo hội, quan điểm.

1. Dẫn nhập

Châu Âu giai đoạn thế kỷ XV - XVI có nhiều biến động lớn cả về mặt kinh tế - xã hội, văn hóa tư tưởng và tôn giáo. Bắt đầu từ cuối thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI, Giáo hội Công giáo ở Châu Âu bị suy thoái về quyền lực thế tục, đời sống đạo bị sa sút. Một trong những sự kiện đánh dấu sự rạn nứt lớn của Công giáo ở Châu Âu lúc bấy giờ là sự ra đời của Tin Lành. Phong trào Tin Lành thế kỷ XVI đã đặt ra những nan đề về mặt thần học đối với những quan điểm chính thống về giáo hội của Giáo hội Công giáo. Giáo hội học đã trở thành một chủ đề được tranh luận mạnh mẽ giữa các nhà thần học theo các phong trào khác nhau.

Vậy đứng trước những chuyển biến và thách thức như trên, Công đồng Trent do Giáo hội Công giáo tổ chức đã nhìn nhận thế nào về vấn đề giáo hội?

Để trả lời vấn đề nghiên cứu này, bài viết của chúng tôi sẽ tập trung vào các nội dung chính sau: (1) Phân tích những thách thức kinh tế, xã hội, văn hóa đối với tư tưởng thần học về giáo hội của Giáo hội Công giáo thế kỷ XVI; (2) Chỉ ra những thách thức về mặt văn hóa, thần học

* ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đối với Giáo hội học Công giáo thế kỷ XVI qua phân tích quan niệm về giáo hội của phong trào Tin Lành thế kỷ XVI; (3) Chỉ ra những quan điểm về giáo hội của Công giáo thế kỷ XVI qua Công đồng Trent.

2. Những thách thức đối với Giáo hội học Công giáo thế kỷ XVI

2.1. Những thách thức về mặt kinh tế-xã hội và đời sống Giáo hội

Nhìn chung, chế độ phong kiến Châu Âu vào cuối thời kỳ Trung cổ đã đưa dân chúng vào cuộc sống đói khổ và nô lệ dưới ách thống trị của các lãnh chúa. Đồng thời, người dân ở các nước này lúc đó còn bất bình với chính sách thuế khóa của các Bộ trong nước Tòa Thánh. Chỉ tính riêng tại Đức, Tòa Thánh đã sở hữu tới 1/3 diện tích ruộng đất¹. Người nông dân rơi vào tình cảnh “một cổ hai tròng”, chịu gánh nặng thuế khóa từ cả phía các lãnh chúa phong kiến và Giáo hội. Nhiều nơi nông dân đã nổi dậy đấu tranh chống lại quý tộc phong kiến và giáo sĩ Công giáo. Đỉnh cao của phong trào này là cuộc chiến tranh nông dân ở Đức kéo dài suốt từ năm 1493 đến năm 1525.

Trong khi chế độ phong kiến khủng hoảng, ở Châu Âu lúc này đã xuất hiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, với sự ra đời của tầng lớp tư sản. Tầng lớp tư sản đã tích cực ủng hộ việc loại trừ các thế lực cát cứ, duy trì sự thống nhất của quốc gia, nhằm có được điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ở Đức và Thụy Sĩ, tầng lớp tư sản đã liên minh với nông dân tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống lại giới quý tộc và giáo sĩ Công giáo, đòi hoàn trả ruộng đất. Tại Pháp, Anh, tầng lớp mới còn mong muốn thoát khỏi sự chi phối của Giáo hội Công giáo.

Về phía Giáo hội Công giáo ở Tây Âu lúc bấy giờ, không ít giáo sĩ tuy thuộc đội ngũ tu hành nhưng lại sở hữu số tài sản lớn. Tầng lớp các giáo sĩ cao cấp của Giáo hội cũng chiếm hữu những vùng đất đai rộng lớn có nhiều nông nô và dân cư lệ thuộc. Đời sống đạo bị sa sút ở nhiều khía cạnh, tượng thánh và bùa xá tội đã bị thương mại hóa.

Giáo hội Công giáo ở Châu Âu lúc bấy giờ được F. Engels nhận xét không khác gì một nhà nước phong kiến. “Đứng trên vương công và quý tộc có hoàng đế, thì đứng trên tầng lầu cao cấp và tầng lầu hạ cấp cũng có giáo hoàng. Giống như người ta phải nộp cho hoàng đế đồng phen-ních phổ biến và các thứ thuế của đế chế, người ta cũng phải nộp cho giáo hoàng các thứ thuế chung của giáo hội, dùng để trả cho sự xa hoa của Tòa Thánh La Mã”².

Trong khi đó, các quốc gia Châu Âu thế kỷ XV-XVI có đặc điểm chung là muốn tách khỏi những quyền lực thời Trung Cổ, khỏi quyền của giáo hoàng và đế quốc La-Đức. Nguyên nhân là do sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản, giai cấp tư sản bắt đầu hình thành và do chính quyền các nước Châu Âu lúc đó muốn thoát khỏi sự chi phối của Giáo hội, hình thành các quốc gia độc lập.

Những mâu thuẫn đối kháng xuất hiện giữa một bên là các thế lực, trật tự phong kiến lỗi thời, trì trệ, trong đó có Giáo hội Công giáo La Mã và bên kia là các tầng lớp, giai cấp xã hội mới đang trỗi dậy đòi quyền lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo cho mình. Bối cảnh này đã tạo ra những thách thức không nhỏ đối với việc duy trì quyền lực và hệ thống tổ chức thống nhất của Giáo hội vốn đã được xác lập trước đó.

2.2. Những thách thức về mặt văn hóa và thần học

Một hiện tượng văn hóa nổi bật thời kỳ này là sự ra đời của nền Văn hóa Phục hưng đề cao giá trị của con người, phê phán xã hội phong kiến và những trái ngang của Giáo hội Công giáo đương thời. Thời kỳ này tiếng Hy Lạp bắt đầu được giảng dạy ở Châu Âu đã giúp các nhà văn tiếp cận được với bản gốc của Kinh Thánh. Từ năm 1511 đến năm 1514, đại diện tiêu biểu của Văn hóa Phục hưng Erasmus đã dịch xong Tân Ước từ nguyên văn tiếng Hy Lạp ra tiếng Latinh, kèm theo những ghi chú liên quan và được xuất bản với số lượng lớn đã giúp cho các học giả và trí thức có thể tự tìm hiểu, so sánh lối sống trong Giáo hội thời kỳ nguyên thủy với hiện tại³.

Trong khi đó, đến cuối thế kỷ XIV, thần học Kinh Viện trước sự tấn công bởi các nhà thần học như Wiclif và Huss đã phủ nhận những suy luận siêu hình, chủ trương thay bằng thực nghiệm và niềm tin tôn giáo đã dọn đường cho tư tưởng đề cao “Đức Tin” của Luther. Bên cạnh đó, sự xuất hiện Chủ nghĩa Nhân bản đã phê phán mạnh các nhà thần học kinh viện, đã kích lỗi sống đạo đức của thời Trung cổ. Những tư tưởng này đã tạo tiền đề cho tư tưởng thần học của Martin Luther (1483-1546), Unrich Zwingli (1484-1531) và John Calvin (1509-1564).

Phong trào Tin Lành xuất hiện do Luther khởi xướng bắt đầu bằng bản “Luận văn 95 điều” được soạn thảo năm 1517 nhằm kịch liệt đả phá tệ buôn bán bùa xá tội. Tư tưởng thần học của Luther đã đặt lại một vấn đề lớn về vai trò của “Đức tin” và tranh luận trực tiếp với tư tưởng thần học về giáo hội của Công giáo trên nhiều phương diện từ tổ chức giáo hội, vai

trò của giáo hoàng và hàng giáo sĩ đến vai trò của bí tích trong đời sống tôn giáo của tín đồ Công giáo.

Cùng với Luther ở Đức, tại Thụy Sĩ cũng diễn ra cuộc cải cách tôn giáo do Unrich Zwingli lãnh đạo. Giống với quan điểm của Luther, Zwingli cũng đề cao vai trò của niềm tin, phủ nhận những quyết định của Giáo hoàng, lên án việc bán bùa ân xá và phản đối thờ ảnh tượng, di vật các thánh. Thậm chí Zwingli còn chủ trương bãi bỏ hết các bí tích, bãi bỏ chế độ ăn chay và sống độc thân của tu sĩ Công giáo. Phong trào này còn vận động thiết lập giáo hội tổ chức theo nguyên tắc dân chủ và đưa thuế 1/10 trước kia nộp cho Tòa Thánh La Mã về cho giáo hội mới⁴.

Calvin cũng kịch liệt phê phán Giáo hoàng Roma. Theo Calvin, ngôi vị giáo hội lúc bấy giờ đang bị chi phối bởi sự độc tài không khác gì cảnh lưu đày ở Babylon chứ không phải “thành đô thánh thiện của Thiên Chúa”⁵.

Có thể thấy các nhà tư tưởng khởi xướng phong trào Tin Lành đã có nhiều quan điểm đối lập với các nhà thần học Công giáo về vấn đề giáo hội. Điều đó đã tạo ra những thách thức không nhỏ đối với việc bảo vệ giáo hội của các nhà thần học Công giáo. Các nguyên tắc quan trọng nhất của Giáo hội Công giáo thời Trung cổ như: “Quyền thiêng liêng đứng trên quyền thế tục; Chỉ giáo hoàng mới là người giải thích Thánh Kinh đích thực; Chỉ một mình giáo hoàng mới có thể triệu tập một công đồng”⁶ đều bị Tin Lành phê phán.

Có thể nói, phong trào Tin Lành đã trở thành một nan đề lớn nhất đối với Giáo hội Công giáo lúc bấy giờ. Phong trào Tin Lành lúc bấy giờ chủ yếu nhằm vào giáo sĩ, tấn công vào tài sản và địa vị chính trị của tầng lớp này. Thậm chí phong trào Tin Lành còn xem sự tiếp tục phát triển của giáo hội và của các giáo lý chỉ là “một sự thoái hóa”, và đòi hỏi phải phục hồi chế độ đơn giản của giáo hội Kitô giáo nguyên thủy và bãi bỏ đẳng cấp tăng lữ biệt lập. Giáo hội theo chủ trương của phong trào này là phải bãi bỏ các thầy tu, các giám mục, Tòa Thánh La Mã. Không chỉ đòi hỏi phục hồi chế độ giáo hội Kitô giáo nguyên thủy, phong trào Tin Lành còn đòi tái lập sự bình đẳng giữa các thành viên trong công xã tôn giáo như những thế kỷ đầu của Kitô giáo, trên cơ sở “sự bình đẳng giữa những người con của Chúa”⁷. Theo F. Engels, phong trào Tin Lành lúc đó đã bị Giáo hội Công giáo coi là “tà giáo chính thức”.

Có thể nói, cùng một lúc Giáo hội Công giáo và hệ tư tưởng thần học về giáo hội Công giáo phải đứng trước hai thách đố lớn:

Một là, các tầng lớp mới trong xã hội và xu hướng hình thành các quốc gia dân tộc với chủ quyền độc lập đòi sự bình đẳng và tự chủ với Giáo hội cả về mặt kinh tế, chính trị và tôn giáo.

Hai là, các nhà thần học Tin Lành đã đặt lại vấn đề cần phải trở về với nguồn gốc Kinh Thánh và Kitô giáo nguyên thủy, bãi bỏ hệ thống tổ chức của Giáo hội đã được thiết lập trong thời gian dài và chịu ảnh hưởng bởi quá trình phong kiến hóa cũng như được sự bồi đắp, biện luận bởi các quan điểm thần học.

3. Công đồng Trent: Diễn biến và nội dung quan điểm về giáo hội

3.1. Diễn biến Công đồng Trent (1545-1563)

Tính đến nay, Công đồng Trent là một công đồng kéo dài nhất trong lịch sử Giáo hội Công giáo. Công đồng này được chia làm ba thời kỳ dưới sự chủ trì của ba giáo hoàng khác nhau.

Thời kỳ thứ nhất: do Giáo hoàng Paul III chủ trì từ phiên 1-8 (từ ngày 13/12/1545 đến ngày 11/3/1547) tại Trent. Nhưng sau đó do ảnh hưởng của bệnh dịch, Giáo hoàng đã chuyển địa điểm họp công đồng tới Bologna dù có 27 giám mục phản đối vẫn ở lại Trent. Từ phiên 9-10 (từ ngày 21/4 đến ngày 2/6/1547) không có tín lý nào được ban hành, sau đó tới ngày 29/2/1548 Công đồng phải hoãn lại. Trong thời kỳ này, mỗi phiên họp của Công đồng có khoảng từ 30-70 giám mục tham dự, chủ yếu là các giám mục người Italia, Tây Ban Nha. Giai đoạn này, Công đồng tập trung chủ yếu vào các quan điểm của Martin Luther, Huldrych Zwingli và những người theo phong trào này ở Đức và Thụy Sĩ.

Thời kỳ thứ hai: do Giáo hoàng Julius III (trị vì 1550-1555) chủ trì, gồm các phiên 11-16 (từ ngày 1/5/1551 đến ngày 28/4/1552). Tham dự các phiên có khoảng 44-51 giám mục, có lúc lên tới 59 giám mục. Giai đoạn này có sự hiện diện của nhiều giám mục Đức (13 người). Tuy nhiên, Công đồng đã bị trì hoãn do xung đột quân sự.

Thời kỳ thứ ba: do Giáo hoàng Pius IV (trị vì 1559-1565) chủ trì, gồm các phiên từ 17-26 (ngày 18/1/1562 - 3,4/12/1563). Lần này có tới 13 giám mục, 18 nhà thần học từ Pháp tham dự sau khi phong trào cải cách do Jean Calvin (1509-1564) khởi xướng phát triển mạnh tại Pháp. Có tất cả 270 giám mục tham dự Công đồng ở giai đoạn này và hầu hết là người

Italia (187 người), Tây Ban Nha (31 người) và Pháp (26 người). Quyết định cuối cùng của Công đồng được 255 giám mục ký. Như thế, Công đồng Trent diễn ra trong thời gian 5 năm và 1 tháng⁸.

Trong ba thời kỳ diễn ra, Công đồng Trent có tất cả 25 phiên họp và đưa ra rất nhiều sắc lệnh và giáo luật.

Để thực hiện các văn kiện, giáo luật của Công đồng Trent, Giáo hoàng Pius IV ban hành nhiều sắc lệnh và lập một ủy ban gồm 8 hồng y để thực hiện. Vị giáo hoàng này đã chỉ thị ban hành sách giáo lý Công đồng Trent. Nhưng phải đến năm 1566, giáo lý của Công đồng Trent mới được xuất bản. Nội dung bộ giáo lý bao gồm bốn phần: Tín lý (có 12 điều), Mười Điều Răn, Các Bí tích, và Quy định Kinh cầu nguyện Chúa. Đây là bộ giáo lý có ảnh hưởng trong suốt thời gian lâu dài của Giáo hội Công giáo. Những quy định về Giáo hội tập trung chủ yếu trong Điều 9 của phần Tín lý.

3.2. Nội dung quan điểm về giáo hội của Công đồng Trent

Quan điểm về giáo hội của Công đồng Trent không chỉ bó hẹp trong nội dung các văn kiện, giáo luật mà còn được thể hiện cả trong sách giáo lý được ban hành theo tinh thần của Công đồng này. Văn kiện, giáo luật và giáo lý Công đồng Trent đã đưa ra các quan điểm về Giáo hội Công giáo trên nhiều phương diện: vai trò của Giáo hội đối với các vấn đề liên quan đến Kinh Thánh, bí tích, tổ chức và kỷ luật của Giáo hội.

Về vai trò của Giáo hội đối với các vấn đề liên quan đến Kinh Thánh, Công đồng Trent khẳng định Giáo hội là một tổ chức “bảo quản sự tinh khiết của Kinh Thánh một cách liên tục”⁹. Đồng thời, Giáo hội cũng là tổ chức có quyền phán xét về ý nghĩa và giải thích nội dung Kinh Thánh. Không có bất kỳ ai, dù người đó có kỹ năng gì đi chăng nữa, cũng không được giải thích Kinh Thánh (lời của Chúa) theo cách riêng của mình¹⁰.

Giáo lý của Công đồng Trent còn khẳng định quyền nắm giữ chân lý trong Kinh Thánh và giáo lý của Giáo hội. Giáo hội được cho là “không thể sai lầm khi đưa ra các nguyên tắc về niềm tin và luân lý do được sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần”. Ngược lại các trào lưu nhân danh “giáo hội” (ám chỉ Tin Lành) đều sai lầm¹¹.

Đối với các bí tích, Công đồng Trent khẳng định bí tích do Chúa Jesus thiết lập nên nhưng Giáo hội có quyền phân phát và quản trị bí tích. Nếu bất kỳ ai phủ nhận vai trò quản trị các bí tích của Giáo hội Công giáo thì người đó sẽ bị trục xuất khỏi giáo hội (phạt vạ tuyệt thông)¹².

Cụ thể, việc tổ chức Bí tích Rửa tội cho trẻ nhỏ phải được Giáo hội thực hiện và nó có ý nghĩa là để gia nhập vào Giáo hội. Những người đã làm lễ rửa tội vẫn phải chịu những quy định của giáo luật (dưới dạng văn bản hay truyền thống) của Giáo hội¹³. Việc thực hiện Bí tích Rửa tội giống như “một bài đánh giá” của Giáo hội xem ai có thể được gia nhập vào Giáo hội. Còn thực hiện Bí tích Giải tội được xem là cách mà Giáo hội cho những người đã được rửa tội tự thực hiện “rửa tội chính mình” để được cứu rỗi¹⁴. Với Bí tích Thêm sức, Công đồng Trent quy định trong Giáo hội chỉ giám mục mới được thực hiện bí tích này chứ không phải do linh mục¹⁵. Với Bí tích Hôn phối, Giáo hội có quyền cử hành, ngăn trở hoặc hòa giải trong hôn nhân, duy trì hôn nhân bất khả phân ly¹⁶. Trong phần về Bí tích Truyền chức Thánh, Công đồng Trent khẳng định nếu bất kỳ ai nói thụ phong chức thánh không đúng và không phải là một bí tích được Chúa Kitô thiết lập mà do con người thiết lập thì người đó cũng bị vạ tuyệt thông.

Đáng chú ý theo quan điểm của Công đồng Trent, thông qua việc quản trị các bí tích, Giáo hội cũng có thẩm quyền tham gia vào việc phán xét một người nào đó bị đày xuống địa ngục hoặc được hưởng hạnh phúc¹⁷. Bởi vì một người nào đó muốn được “công chính” thì không chỉ bởi niềm tin vào Kinh Thánh mà còn phải chịu sự ràng buộc bởi các điều luật của Thiên Chúa và Giáo hội¹⁸. Trong trường hợp một tín đồ bị sa ngã sau khi đã thực hiện Bí tích Rửa tội thì cũng không thể lấy lại được sự “công chính” chỉ bằng niềm tin mà còn phải bằng chính phép Giải tội của Giáo hội Rome¹⁹.

Bằng những quy định ràng buộc như trên cho thấy, Giáo hội có quyền quyết định tín đồ nào là người được giải thoát sau khi chết bằng chính sự đánh giá người đó thực hiện như thế nào đối với các quy định của giáo hội.

Về tổ chức của Giáo hội, Công đồng Trent vẫn thể hiện lập trường thần học Công giáo Trung cổ và bảo vệ hệ thống tôn ti trật tự (phẩm trật) của Giáo hội. Công đồng Trent khẳng định tổ chức của Giáo hội có giáo hoàng, giám mục, linh mục và phó tế. Nếu tín đồ nào phủ nhận điều này thì sẽ bị trục xuất khỏi giáo hội (phạt vạ tuyệt thông)²⁰.

Trong đó, giáo hoàng là người có quyền trên, cao nhất trong hàng giáo sĩ, có quyền bổ nhiệm giám mục và chỉ khi nào giám mục do giáo hoàng bổ nhiệm mới được công nhận hợp pháp theo quy định của Giáo hội²¹.

Sách giáo lý của Công đồng Trent giải thích rõ rằng, giáo hoàng là “người đứng đầu hữu hình” của giáo hội do Chúa Kitô lập ra. Để có cơ sở cho luận điểm này, sách giáo lý của Công đồng đã dẫn lại nội dung trong sách Matthew thuộc Tân Ước nói về việc Chúa Jesus trao quyền tông đồ trưởng cho Peter và lấy Peter làm “hòn đá tảng” để xây dựng giáo hội. Ngôi vị giáo hoàng có vai trò cần thiết để thiết lập và duy trì sự thống nhất của Giáo hội²². Chính giáo hoàng cũng được xem là người kế vị Peter và có quyền lực tương tự để cai trị toàn bộ Giáo hội²³.

Còn các giám mục là những người đã đạt đến vị trí các thánh tông đồ. Cho nên về nguyên tắc, trong hệ thống phẩm trật thì giám mục được thiết lập để cai trị Giáo hội của Thiên Chúa. Họ có quyền cao hơn các linh mục, quản trị Bí tích Thêm sức, thụ phong các chức mục vụ của Giáo hội, và có thể đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác.

Không những thế, Công đồng tiếp tục khẳng định nếu bất kỳ ai tuyên bố trong Giáo hội Công giáo, các giám mục không có quyền trên các linh mục hoặc không có quyền thực hiện Bí tích Thêm Sức và Truyền chức Thánh theo sức mạnh của giáo luật và Giáo hội thì người đó cũng bị vạ tuyệt thông. Như thế, Công đồng Trent quan niệm giám mục là những người có quyền trên linh mục, và phải do Giáo hoàng Rome bổ nhiệm. Nếu không do giáo hoàng tấn phong thì đó là giám mục không hợp pháp theo giáo luật và không phải giám mục thực sự.

Trong phiên họp thứ 23, Công đồng quy định về thiết chế của chức linh mục và khẳng định lại trong Tân Ước, Giáo hội Công giáo đã được thiết lập bởi chúa Kitô. Trong Giáo hội, Kinh Thánh và truyền thống của Giáo hội luôn luôn phải được giảng dạy. Linh mục là người phục vụ Chúa và quản lý thân thể của Chúa, tức là Giáo hội²⁴.

Văn kiện Công đồng Trent khẳng định, quyền thụ phong chỉ thuộc về Giáo hội chứ không phải các tổ chức hay cá nhân nào khác ngoài xã hội. Tất cả các giáo hoàng, giám mục, linh mục và phó tế trên đều phải do Giáo hội thụ phong và bầu lên thì mới chính thức được thừa nhận. Còn lại các giáo sĩ do quyền lực dân sự hay người dân tự bầu lên sẽ không phải là giáo chức của giáo hội. Thậm chí Công đồng Trent còn cho rằng, những thành phần này được xem như là những “kẻ trộm”²⁵.

Về dạng thức tồn tại của Giáo hội, sách giáo lý của Công đồng Trent khẳng định giáo hội tồn tại gồm hai bộ phận: Giáo hội Chiến thắng (Church Triumphant) và Giáo hội Chiến đấu (Church Militant).

Trong đó, “Giáo hội Chiến thắng là giáo hội của những người đã chiến thắng trên thế giới trần tục, ma quỷ và bây giờ họ được tự do và bảo vệ khỏi tất cả những rắc rối trong cuộc sống, để được hưởng hạnh phúc đời đời. Còn Giáo hội Chiến đấu là một cộng đồng của tất cả những người tin theo Công giáo vẫn đang sống trên trái đất và được gọi là một đội quân chiến đấu bởi vì luôn luôn phải chiến đấu với những kẻ thù là ma quỷ và thế giới trần tục. Nhưng cả hai phần này đều thuộc về một giáo hội và sẽ hợp nhất với nhau”²⁶.

Riêng trong “Giáo hội Chiến đấu” có hai loại người: tốt và xấu. “Người xấu cũng có cùng niềm tin và bí tích nhưng khác nhau về lối sống và luân lý. Trong Giáo hội này những người được gọi là tốt không chỉ có cùng niềm tin, hiệp thông cùng bí tích mà còn có cùng ân sủng và tham gia vào việc tốt”²⁷. Giáo lý Công đồng khẳng định người tín đồ theo đuổi Giáo hội đích thực không phải là ở trên trần thế với những thứ hữu hạn mà là giáo hội ở trên trời và vĩnh cửu²⁸.

Mặc dù không thay đổi về mô hình tổ chức giáo hội, nhưng Công đồng Trent cũng không thể chối bỏ về thực tế đời sống giáo hội lúc bấy giờ. Để chỉnh đốn lại sự sa sút về phẩm hạnh, lối sống trong Giáo hội, Công đồng Trent đã đưa ra một số quy định nhằm điều chỉnh các hoạt động của hàng giáo sĩ và tu sĩ Công giáo.

Theo Công đồng Trent, tất cả các giáo sĩ, thậm chí cả các hồng y của Tòa Thánh Rome phải có nghĩa vụ cư trú trong nhà thờ của mình hoặc giáo phận của mình²⁹. Các giáo sĩ được phép vắng mặt trong thời gian ngắn 2-3 tháng khi có lý do chính đáng và không được vắng mặt tại nhà thờ của mình trong thời gian diễn ra Mùa Vọng³⁰, Mùa Chay³¹, trong những ngày Giáng Sinh, Phục Sinh, Lễ Ngũ Tuần³².

Bản thân các giám mục phải thực hiện nghĩa vụ truyền chức thánh và không được gửi người cho giám mục ở giáo phận khác thụ phong, chỉ trừ trường hợp bị ốm đau hoặc những trường hợp đã được kiểm duyệt, cho phép³³.

Các tu sĩ phải tuân thủ nghiêm luật dòng, không được sở hữu tài sản riêng bằng bất kỳ hình thức nào. Ngay cả việc sử dụng các vật dụng trong tu viện cũng phải được phép của Bề trên Dòng và phải phù hợp với lối sống khó nghèo. Các dòng tu được thành lập phải có sự cho phép của giám mục. Bề trên của dòng cũng không được phép rời bỏ tu viện để đến các trường đại học. Thiết chặt luật dòng đảm bảo an toàn cho các nữ tu³⁴.

4. Một số nhận xét

Những quan điểm của Công đồng Trent tiếp tục hệ thống hóa và tái khẳng định lại quan điểm thần học Công giáo thời kỳ Trung đại về vai trò của Giáo hội đối với sự kết nối giữa người Công giáo với Thiên Chúa. Giáo hội vẫn được xem là một tổ chức không thể thiếu trong hành trình thực hành để đạt đến đích trong đời sống tôn giáo (về với Thiên Chúa) của người Công giáo.

Để giữ được vai trò cầu nối không thể thiếu đó, Giáo hội được Công đồng Trent xác định là tổ chức có quyền nắm giữ chân lý trong Kinh Thánh và truyền thống. Thể hiện cụ thể bằng việc Giáo hội là tổ chức ấn định các sách trong Kinh Thánh, có quyền giải thích ý nghĩa của Kinh Thánh chứ không phải cá nhân tín đồ tự diễn giải, tự hiểu về Kinh Thánh. Bên ngoài Giáo hội, Kinh Thánh sẽ không được giải thích đúng đắn.

Quan điểm này của Công đồng Trent rõ ràng là lời đáp trả lại quan điểm của phong trào Tin Lành thế kỷ XVI khi cho rằng: “Kinh Thánh có tính tự chứng nghiệm, tự đầy đủ và tự diễn dịch. Vì nó có tính tự chứng nghiệm nên bộ quy điển tự xác nhận mình, không cần phải được chứng minh bởi thẩm quyền Giáo hội. Vì nó có tính tự đầy đủ, nên người ta không cần phải tìm kiếm chân lý mạc khải ở đâu khác ngoài những sách Kinh Thánh. Giáo lý của Giáo hội chỉ có thể nhắc lại và làm sáng tỏ những gì vốn đã được dạy trong Kinh Thánh. Cuối cùng vì Kinh Thánh có tính tự diễn dịch nên tín đồ không cần bất cứ một cơ quan nào khác trình bày cho mình ý nghĩa của Kinh Thánh”³⁵.

Ngoài Kinh Thánh, theo quan điểm của Công đồng Trent còn có cả một hệ thống luật lệ và truyền thống của Giáo hội. Những lễ luật và truyền thống này cũng phải được Giáo hội thừa nhận. Đồng thời nó cũng được xem là một nguồn chân lý không thể thiếu đối với người Công giáo. Đây cũng là quan điểm nhằm phản bác lại quan điểm của phong trào Tin Lành thế kỷ XVI, đặc biệt là phái Luther khi cho rằng Kinh Thánh làm nền tảng cho mọi nền thần học và duy chỉ có Kinh Thánh mới đúng đắn³⁶.

Cùng với Kinh Thánh, luật lệ và truyền thống, Giáo hội Công giáo còn có quyền tổ chức thực hiện, trao ban và giám sát các bí tích cho các tín đồ. Vai trò quản trị bí tích của Giáo hội được Công đồng Trent xác định là điều buộc tín đồ phải công nhận nếu không sẽ bị trục xuất khỏi Công giáo (phạt vạ tuyệt thông). Các bí tích được Công đồng Trent khẳng định

do Chúa Jesus thiết lập nên và được xem như là một công cụ, phương tiện để người Công giáo kết nối với Thiên Chúa trong hành trình thực hành đời sống tôn giáo. Đáng chú ý, các bí tích này lại được trải dài và gắn với những cột mốc then chốt trong vòng đời xét cả về mặt thể tục và tôn giáo của mỗi người Công giáo.

Lập luận của Công đồng Trent một lần nữa khẳng định, bằng việc sở hữu các công cụ, phương tiện để đạt tới thể giới thiêng trong đời sống tôn giáo của người Công giáo như Kinh Thánh, truyền thống, luật lệ cho đến các bí tích, Giáo hội đương nhiên trở thành tổ chức có quyền phán xét những tín đồ nào có thể được giải thoát hay không bằng nhiều phương cách khác nhau.

Một trong những phương cách để Giáo hội giúp người tín đồ có thể đạt được mục đích trong đời sống tôn giáo của mình là việc thực hiện bí tích Giải tội thông qua đội ngũ các giáo sĩ. “Người Công giáo có trong tay sự xá giải của giáo hội mình để bù đắp sự khiếm khuyết của mình. Linh mục là một thuật sĩ, người thực hiện phép lạ của sự biến thể và nắm trong tay chiếc chìa khóa đóng và mở cửa đời sống đời đời. Người ta có thể quay trở lại với vị linh mục với lòng sám hối và ăn năn; linh mục, bằng việc cử hành các bí tích, ban phát sự cứu độ, niềm hy vọng có được ân sủng, sự chắc chắn được tha thứ...”³⁷. Công đồng Trent vẫn khẳng định bí tích này do Chúa Jesus lập ra và việc thực hiện bí tích này trong Giáo hội là điều bắt buộc và cần thiết khi Giáo hội còn tồn tại những người xấu và người tốt.

Không những sở hữu các công cụ, phương tiện như trên, Công đồng Trent còn khẳng định Giáo hội là một hệ thống có cơ cấu tổ chức với hàng giáo sĩ được phân chia thành các thứ bậc, trong đó Giáo hoàng là người trên hết và các vị giáo sĩ như là người đại diện của Chúa. Tất nhiên đây không phải là một điểm mới trong quan điểm thần học về giáo hội của Công đồng Trent. Từ thời Trung cổ, các nhà thần học Công giáo đã đưa ra mô hình giáo hội như là một thiết chế với một hệ tôn ti trật tự³⁸.

Có thể nói, về thực chất Công đồng Trent không từ bỏ cách nhìn nhận về giáo hội ở thời kỳ Trung đại, nhấn mạnh tới đội ngũ giáo sĩ, còn những người tín hữu với tư cách là chủ thể tôn giáo dường như đã bị gạt ra khỏi mối quan tâm của Giáo hội học³⁹. Những quan điểm về một giáo hội “Kim Tự Tháp” với đỉnh chóp là giáo hoàng, dưới là hàng giám mục, linh mục và cuối cùng là giáo dân của Công đồng Trent còn có ảnh

hưởng cả một thời kỳ sau Công đồng, thậm chí còn có tác động lâu dài đối với các công đồng sau này.

Những quan điểm về giáo hội của Công đồng Trent không chỉ đơn thuần là sự tranh luận về mặt thần học với phong trào Tin Lành, mà còn là sự phản ánh, biện luận cho mong muốn duy trì trật tự cũ của các lực lượng phong kiến thời Trung cổ, mà đại diện tiêu biểu là Giáo hội Công giáo, trước nguy cơ bị tan rã do sự ra đời và lớn mạnh của tầng lớp thị dân.

Chính các tranh luận thần học còn là “các biểu đạt xã hội” của các tôn giáo⁴⁰ nói chung và Công giáo nói riêng. Cho nên có thể nói rằng, hệ thống quan điểm thần học về giáo hội của Công đồng Trent không dừng ở chuyện tranh luận về “những công việc ở trên trời” mà còn là sự tranh luận về “những công việc trên trần thế”. Sự phản bác của Công đồng Trent đối với thần học Tin Lành thế kỷ XVI là một trong những biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp mang “vỏ bọc tôn giáo”⁴¹.

Tuy nhiên, Công đồng Trent cũng không thể lãng tránh vấn đề điều chỉnh lại đời sống giáo hội sao cho phù hợp hơn với tinh thần của Kinh Thánh. Điển hình như việc yêu cầu các giáo sĩ phải giữ cư trú tại các giáo phận của mình và thực hiện nhiệm vụ phục vụ nhu cầu tôn giáo của tín đồ. Các tu sĩ phải thực hiện đời sống khiết tịnh và khó nghèo. Thực chất các quan điểm này của Công đồng Trent là một sự đổi mới của Giáo hội Công giáo nhằm chấn hưng sức sống của Công giáo trong bối cảnh đời sống đạo bị sa sút ở nhiều mặt. Đây chính là những thay đổi thể hiện sự điều chỉnh sao cho có thể thích nghi và tồn tại được của Giáo hội Công giáo thời kỳ này chứ chưa phải là một sự đột phá về thể chế tổ chức giáo hội./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hăng, Trần Văn La (1998), *Lịch sử thế giới trung đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 116.
- 2 *Chiến tranh nông dân ở Đức*, trong *C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 1995: 465.
- 3 Alice Parmelee (Nguyễn Xuân Cảnh dịch) (1986), *Lược sử Hội Thánh*, Viện Thần học Việt Nam xuất bản: 160.
- 4 Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hăng, Trần Văn La (1998), *Lịch sử thế giới trung đại*, Sđd: 131.
- 5 Xem John Calvin (Henry Beveridge dịch sang tiếng Anh), *Institutes of the Christian Religion, Chapter II. Comparison between the false church and the true*, <http://www.ccel.org/ccel/calvin/institutes.vi.iii.html>

- 6 Hans Kung (Nguyễn Nghị dịch, 2008), *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 231.
- 7 *Chiến tranh nông dân ở Đức*, Sđd: 477, 479.
- 8 Xem *Council of Trent*,
[https://en.wikipedia.org/wiki/Council_of_Trent#List_of_decrees](https://en.wikipedia.org/wiki/Council_of_Trent#List_of_decrees;);
<https://www.britannica.com/event/Council-of-Trent>
- 9 *The canons and decrees of the sacred and oecumenical Council of Trent*, J. Waterworth (London: Dolman dịch sáng tiếng Anh, 1848: 17-18. Bản trực tuyến trên <http://history.hanover.edu/texts/trent/ct04.html>
- 10 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 20.
- 11 *Catechism of the Council of Trent*, George Routledge And Co, Farringdon Street, London, 1852: 104.
- 12 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 56.
- 13 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 57.
- 14 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 94.
- 15 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 58.
- 16 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 194-195.
- 17 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 142-143.
- 18 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 47.
- 19 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 48.
- 20 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 175.
- 21 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 175.
- 22 *Catechism of the Council of Trent*, Sđd: 99.
- 23 *Catechism of the Council of Trent*, Sđd: 101.
- 24 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 172.
- 25 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 173.
- 26 *Catechism of the Council of Trent*, Sđd: 96.
- 27 *Catechism of the Council of Trent*, Sđd: 96-97.
- 28 *Catechism of the Council of Trent*, Sđd: 94.
- 29 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 176.
- 30 Mùa Vọng là mùa gắn liền với mùa Giáng Sinh, gồm bốn Chủ nhật. Tùy từng năm, Mùa Vọng bắt đầu sớm nhất vào ngày 27 tháng 11, và trễ nhất vào ngày 3 tháng 12.
- 31 Mùa Chay kéo dài 40 ngày tượng trưng cho cuộc hành trình 40 năm của dân Israel trong sa mạc và tương ứng với 40 ngày Chúa Jesus giữ chay trong sa mạc.
- 32 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 177-178.
- 33 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 180.
- 34 *The canons and decrees of the sacred and ...*, Sđd: 237-240.
- 35 Avery Dulles (Lê Công Đức dịch) (2009), *Các mẫu thức mạc khải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 384-385.
- 36 Thomas P. Rausch S. J. (Nguyễn Đức Thông dịch) (2010), *Đạo Công giáo Thiên niên kỷ thứ ba*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 154.

- 37 Max Weber (Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch) (2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của Chủ nghĩa Tư Bản*, Sđd: 200.
- 38 Dương Văn Biên (2015), “Mô hình Giáo hội theo Tân Ước và Thần học Công giáo Trung đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2: 39-57.
- 39 Avery Cardinal Dulles, *Models of the Church*, Sđd: 28.
- 40 Nguyễn Quốc Tuấn (2014), “Triển khai lý thuyết thực thể tôn giáo”, *Nghiên Cứu Tôn giáo*, số 10: 15.
- 41 Ph. Ăngghen (1995), *Chiến tranh nông dân ở Đức*, Sđd: 475.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alice Parmelee (Nguyễn Xuân Cảnh dịch) (1986), *Lược sử Hội Thánh*, Viện Thần học Việt Nam xuất bản.
2. Avery Dulles (2002), *Models of Church*, Doubleday, New York.
3. Avery Dulles (Lê Công Đức dịch) (2009), *Các mẫu thức mạc khải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. *Chiến tranh nông dân ở Đức*, trong C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 1993.
5. Dương Văn Biên (2015), “Mô hình Giáo hội theo Tân Ước và Thần học Công giáo Trung đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
6. *Catechism of the Council of Trent*, George Routledge And Co, Farringdon Street, London, 1852.
7. *Council of Trent*, https://en.wikipedia.org/wiki/Council_of_Trent#List_of_decrees
8. Hans Kung (Salvator Attanasio dịch sang tiếng Anh) (1964), *Structures of the Church*, Thomas Nelson & Sons, New York
9. Hans Kung (Nguyễn Nghị dịch, 2008), *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
10. FX. Đoàn Trung Hiệu OP (1997), *Cuộc lữ hành đức tin, tập II: Giáo hội thế kỷ XV-XX*, Lưu hành nội bộ.
11. Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ủy ban Giáo lý Đức tin, *Công đồng Vaticanô II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012.
12. Nguyễn Xuân Hùng (2001), “Về nguồn gốc và sự xuất hiện tên gọi đạo Tin Lành tại Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
13. Massimo Faggioli, *Vatican II: The Battle for meaning*, Paulist Press, 2012.
14. Max Weber (Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch) (2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của Chủ nghĩa Tư bản*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
15. Michael A. Mullett (1999), *The Catholic Reformation*, Routledge, London.
16. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hăng, Trần Văn La (1998), *Lịch sử thế giới trung đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
17. John Calvin (Henry Beveridge dịch sang tiếng Anh), *Institutes of the Christian Religion, Chapter II. Comparison between the false church and the true*, <http://www.ccel.org/ccel/calvin/institutes.vi.iii.html>

18. John W.O'Malley, S.J, *Vatican II: Did anything happen?*, Theological Studies 67 (2006).
19. Bùi Đức Sinh (1972), *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Chân Lý Xuất Bản, Sài Gòn.
20. *The canons and decrees of the sacred and oecumenical Council of Trent*, J. Waterworth, London: Dolman dịch sang tiếng Anh, 1848.
21. *The 95 Theses*, <http://www.luther.de/en/95thesen.html>
22. Thomas P. Rausch S. J. (Nguyễn Đức Thông dịch) (2010), *Đạo Công giáo Thiên niên kỷ thứ ba*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
23. Nguyễn Quốc Tuấn (2014), “Triển khai lý thuyết thực thể tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
24. *Từ điển Britannica*, CD.
25. Website: Wikipedia, Newadvent.org.

Abstract

THE COUNCIL OF TRENT'S VIEW ON CHURCH

Based on the analysis of economic-social, cultural and religious challenges for the Catholic Church in Europe in the 16th century, the article presents and explains the viewpoint on Church organization of the Council of Trent. The Council reaffirmed that the model of church as an institute which remained the hierarchy and the power of the pope. According to the Structural Functionalism, it was one of the modes of protecting the Catholic Church structure from the Protestant theology at that time.

Keywords: Church, council, Trent, view.